



Original Article

A Scientific Understanding of Conditions for a Commercial Legal Entity to be Criminally Charged under the Current Criminal Code

Nguyen Thi Phuong Hoa*

Ho Chi Minh City University of Law,

No 2 - 4 Nguyen Tat Thanh Street, District 4, Ho Chi Minh City, Vietnam

Received 15 April 2022

Revised 5 June 2022; Accepted 22 June 2022

Abstract: Although the Vietnamese Criminal Code 2015 (amended in 2017) came into force on January 1, 2018, the number of criminal cases against commercial legal persons is very limited. The major cause of this limitation originates from the absence of guidance on the interpretation of these regulations as they are newly introduced in the criminal law of Vietnam. Based on popular doctrines regarding criminal responsibility of legal persons and regulations of other states, the author of this paper presents a scientific analysis of conditions for a commercial legal person to be criminally charged under Article 75 of the Criminal Code 2015. Especially, the article focuses on the issue of under which circumstances a criminal conduct is considered (i) to be presented for a legal person; (ii) aiming at the benefits of a legal person; and (iii) to be instructed or directed or accepted by a legal person. Finally, the article recommends that the Judge Council of the People's Supreme Court enacts a resolution to provide the interpretation of new provisions on the criminal responsibility of legal persons, including Article 75 of the Criminal Code 2015.

Keywords: Conditions to be criminally charged, criminal responsibility, commercial legal entity.

* Corresponding author.

E-mail address: nguyenthiphuonghoa@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4454>

Nhận thức khoa học về điều kiện chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại theo quy định của Bộ luật Hình sự hiện hành

Nguyễn Thị Phương Hoa*

*Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh,
2 - 4 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Nhận ngày 15 tháng 4 năm 2022
Chỉnh sửa ngày 5 tháng 6 năm 2022; Chấp nhận đăng ngày 22 tháng 6 năm 2022

Tóm tắt: Mặc dù Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã có hiệu lực từ ngày 1/1/2018, số lượng các vụ án truy cứu trách nhiệm hình sự pháp nhân thương mại rất hạn chế. Chúng tôi cho rằng, một nguyên nhân của thực tiễn này là các quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại còn khá mới mẻ và chưa có văn bản hướng dẫn thi hành. Căn cứ vào các học thuyết phổ biến về trách nhiệm hình sự của pháp nhân và tham khảo luật hình sự của một số nước, Tác giả phân tích quan điểm khoa học về nội dung của từng điều kiện chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại nêu tại Điều 75 BLHS năm 2015, đặc biệt là các điều kiện: hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại; hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại và hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại. Từ đó, tác giả kiến nghị Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ban hành Nghị quyết hướng dẫn đối với các quy định mới về trách nhiệm hình sự của pháp nhân, trong đó có Điều 75 BLHS năm 2015.

Từ khóa: Điều kiện chịu trách nhiệm hình sự, trách nhiệm hình sự, pháp nhân thương mại.

1. Mở đầu

Mặc dù Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (“BLHS năm 2015”) đã có hiệu lực từ ngày 1/1/2018, số lượng các vụ án truy cứu trách nhiệm hình sự pháp nhân thương mại rất hạn chế, ít ỏi. Một nguyên nhân của thực tiễn này là các quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại còn khá mới mẻ và chưa có văn bản hướng dẫn thi hành. Do vậy, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng còn khá lúng túng trong nhận thức và áp dụng pháp luật.

Điều 75 BLHS năm 2015 xác định các điều kiện chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại gồm: (i) hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại; (ii) hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại; (iii) hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại; và (iv) chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

Nội dung của từng điều kiện đã nêu được hiểu như thế nào? Đây vẫn còn là một vấn đề cần được nghiên cứu làm rõ vì tài liệu bàn luận trực

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: nguyenthiphuonghoa@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4454>

tiếp về vấn đề này khá trống vắng. Chẳng hạn, xét điều kiện về “nhân danh pháp nhân thương mại”, ai được nhân danh pháp nhân thương mại và như thế nào là “nhân danh pháp nhân thương mại”? Trong điều kiện “vì lợi ích của pháp nhân thương mại”, các lợi ích này có bao gồm lợi ích tinh thần? Lợi ích vật chất mà pháp nhân thương mại nhận được từ hành vi phạm tội có những loại nào? Với điều kiện về sự “chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại”, ai là người có hành vi chỉ đạo, điều hành, chấp thuận?

Căn cứ vào các học thuyết phổ biến về trách nhiệm hình sự của pháp nhân và tham khảo luật hình sự của một số nước, tác giả bài viết trình bày nhận thức khoa học về cách hiểu và áp dụng các điều kiện chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại nêu tại Điều 75 BLHS năm 2015.

2. Điều kiện “Hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại”

Điểm a khoản 1 Điều 75 BLHS năm 2015 quy định điều kiện chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại là: “Hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại”. Như đã nêu khái quát ở trên, đối với điều kiện này, có hai vấn đề cần được làm sáng tỏ: (i) phạm vi các cá nhân được nhân danh pháp nhân thương mại, và (ii) các điều kiện để được coi là nhân danh pháp nhân thương mại.

Thứ nhất, bàn về phạm vi các cá nhân được nhân danh pháp nhân thương mại, tài liệu tập huấn của Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao và Tòa án Nhân dân Tối cao về BLHS năm 2015 đều thống nhất giải thích: “*Người thực hiện nhân danh pháp nhân có thể là người lãnh đạo, người điều hành pháp nhân hoặc người được pháp nhân ủy quyền*” [1 - 2]. Tuy nhiên, giải thích này khá ngắn gọn. Trong thực tiễn có thể phát sinh trường hợp như sau. Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) A ký hợp đồng thuê Công ty TNHH B thực hiện dịch vụ kê khai, quyết toán thuế. Bên ngoài văn bản hợp đồng, Giám đốc điều hành của hai Công ty trực tiếp thỏa thuận bằng lời về việc

Công ty TNHH B phải giúp Công ty TNHH A trốn thuế. Do vậy, Giám đốc điều hành Công ty TNHH B chỉ đạo nhân viên X của Công ty này liên lạc chặt chẽ với kế toán trưởng của Công ty TNHH A, phối hợp thực hiện hành vi sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp để xác định sai số tiền thuế phải nộp. Hành vi của họ thỏa mãn dấu hiệu nêu tại điểm đ khoản 1 Điều 200 BLHS năm 2015. Hành vi của X có được coi là *nhân danh Công ty TNHH A* hay không?

Xét theo nội dung của các học thuyết về trách nhiệm hình sự của pháp nhân, phạm vi các cá nhân được nhân danh pháp nhân có mức độ rộng, hẹp khác nhau. Theo Học thuyết đồng nhất hóa (Identification Doctrine), một số người có quyền quyết định trong pháp nhân (controlling officers) được đồng nhất hóa với pháp nhân. Hay nói cách khác, chỉ những người quản lý, điều hành có vai trò quyết định trong pháp nhân mới được nhân danh pháp nhân [3-5]. Theo Học thuyết trách nhiệm thay thế (Vicarious Liability Doctrine), người được nhân danh pháp nhân có thể là người lao động, người được ủy quyền hay bất cứ người nào thuộc quyền quản lý của pháp nhân [4, 5]. Theo Học thuyết văn hóa pháp nhân (Culture Doctrine), phạm vi các cá nhân được nhân danh pháp nhân rất rộng. Pháp nhân chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi sai trái của bất cứ người nào xảy ra trong phạm vi quản lý của pháp nhân. Cơ sở ràng buộc trách nhiệm của pháp nhân trong Học thuyết này là pháp nhân duy trì văn hóa sai trái, làm cho cá nhân đó tin tưởng một cách hợp lý rằng người quản lý cấp cao của pháp nhân sẽ cho phép hoặc chấp thuận những hành vi như vậy [4 - 5].

Chúng tôi thấy rằng tài liệu tập huấn của Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao và Tòa án Nhân dân Tối cao đã nêu có xu hướng giải thích ở phạm vi rộng những người được nhân danh pháp nhân thương mại, cụ thể: bao gồm “*người được ủy quyền*” của pháp nhân. Trong thực tế, những người phạm tội thường lần tránh trách nhiệm phát sinh từ hành vi phạm tội bằng cách không thiết lập ủy quyền chính thức theo các điều kiện của pháp luật dân sự về chế định đại diện. Hơn nữa, sự ủy quyền thực hiện tội phạm là bất hợp

pháp,¹ như vậy sự ủy quyền ở đây cần được nhận thức như thế nào? Tham khảo thực tiễn xử lý của Canada, vấn đề ủy quyền trong trách nhiệm hình sự của pháp nhân được hiểu là: “*thẩm quyền chuyên biệt được trao cho một nhân viên là một sự ủy quyền lãnh đạo rõ ràng hoặc ngầm để diễn đạt các chính sách của công ty và giám sát sự áp dụng, chứ không đơn giản chỉ là sự thực hiện chúng*” [6; 80].²

Thứ hai, về các điều kiện được xem là “nhân danh” pháp nhân thương mại,³ nghiên cứu các tài liệu về trách nhiệm hình sự của pháp nhân cho thấy việc sử dụng học thuyết nền tảng nào để truy cứu trách nhiệm hình sự của pháp nhân sẽ chi phối điều kiện áp dụng cụ thể. Ngoài ra, việc sử dụng các học thuyết còn có sự điều chỉnh nhất định, phụ thuộc vào quan điểm áp dụng thực tiễn của các quốc gia. Tham khảo những tài liệu này, chúng tôi cho rằng một cá nhân được xác định là nhân danh pháp nhân thương mại trong việc thực hiện hành vi phạm tội khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Giữa cá nhân và pháp nhân thương mại tồn tại một mối quan hệ pháp lý.

Giữa cá nhân và pháp nhân thương mại phải tồn tại mối quan hệ pháp lý thì mới có thể xem xét về sự “nhân danh” pháp nhân. Điều này có nghĩa là nếu giữa cá nhân và pháp nhân thương mại không tồn tại bất cứ mối quan hệ nào thì hành vi của cá nhân đó không thể nhân danh pháp nhân thương mại. Trong công trình nghiên cứu so sánh về cơ sở lý luận và thực tiễn của việc áp dụng trách nhiệm hình sự đối với tổ chức, các tác giả cũng cho rằng: “*Trong thuyết trách nhiệm thay thế - đó là người làm công, đại lý và ràng buộc với nhau bằng hợp đồng; trong thuyết đồng nhất hóa trách nhiệm - đó là người chỉ huy, quản lý, lãnh đạo, điều hành (nhân viên cao cấp) quyết định chính sách của tổ chức; trong thuyết văn hóa - đó là bất kỳ nhân viên nào của tổ chức*

và ràng buộc với nhau bằng văn hóa pháp nhân” [5; 32]. Văn hóa pháp nhân có thể hiểu là “thái độ, chính sách, nội quy, trật tự quản lý hay tiến hành các hoạt động được pháp nhân duy trì” [8; Part 2.5, Division 12, §.12.3(6)].

Trong thực tiễn áp dụng pháp luật, đây cũng là điều kiện đòi hỏi trong luật hình sự của Anh khi truy cứu trách nhiệm hình sự pháp nhân: “Phải có chứng cứ về mối quan hệ liên quan người sử dụng lao động/người lao động để có thể xác lập trách nhiệm của pháp nhân hoặc chấp nhận lời cáo buộc của cá nhân đối với pháp nhân bị đơn” [9].

Có thể thấy rằng, quan hệ giữa người lao động với người sử dụng lao động là dạng quan hệ phổ biến nhất, trong đó pháp nhân phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội do người lao động của pháp nhân thực hiện. Mặt khác, mối quan hệ giữa cá nhân với pháp nhân không chỉ giới hạn ở dạng quan hệ lao động, còn có thể là quan hệ quản lý, điều hành⁴ hoặc quan hệ đại diện. Trong pháp luật hình sự một số nước cũng cho phép những dạng quan hệ này. Ví dụ, trong hướng dẫn truy cứu trách nhiệm hình sự của Anh và Bộ luật Hình sự của Australia: mối quan hệ giữa cá nhân và pháp nhân có thể là quan hệ đại diện, trong đó cá nhân là đại lý hoặc người được ủy quyền (agent) của pháp nhân [9] [8; Part 2.5, Division 12, §.12.3(6)]. Tương tự, trong luật thực định của Pháp, pháp nhân chịu trách nhiệm hình sự về hành vi do “người đại diện” (representatives) của họ thực hiện. Người được đại diện có thể là nhân viên hoặc người do tập thể lãnh đạo của pháp nhân ủy quyền [10; Điều 121-2] [11; 72].

- Hành vi phạm tội xảy ra trong quá trình cá nhân thực hiện thẩm quyền và nhiệm vụ do pháp nhân thương mại giao.

Nếu giữa cá nhân và pháp nhân tồn tại mối quan hệ, nhưng hành vi phạm tội không liên quan

¹ Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015 về Điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự thì: “Mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.” Vì vậy, sự ủy quyền để thực hiện tội phạm là giao dịch không có hiệu lực vì vi phạm điều cấm.

² Phần gạch chân do tác giả nhấn mạnh.

³ Trong tài liệu “Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại, nhận thức cần thống nhất?”, các tác giả cho rằng: “Tuy nhiên, việc xác định người phạm tội trong trường hợp cụ thể có phải là “nhân danh pháp nhân” hay không có thể không dễ dàng.” Xem: [7; 25]

⁴ Việc xác lập vai trò quản lý, điều hành pháp nhân có thể xuất phát từ quyền sở hữu đối với pháp nhân.

đến thẩm quyền, nhiệm vụ mà pháp nhân thương mại giao cho cá nhân thì hành vi của cá nhân không thể coi là nhân danh pháp nhân thương mại. Điều này cũng khá dễ hiểu bởi lẽ một cá nhân chỉ có thể nhân danh người khác hay tổ chức khác trong quá trình họ thực hiện nhiệm vụ được cá nhân hoặc tổ chức giao. Cần lưu ý rằng thẩm quyền và nhiệm vụ được giao này cần phải có mối quan hệ với hoạt động của pháp nhân [3; 36]. Ngoài ra, pháp nhân là một chủ thể pháp lý trừu tượng, vì vậy thuật ngữ “pháp nhân” ở đây được hiểu như trong bình luận tại Mục 4 của bài viết này.

- Hành vi phạm tội phải nằm trong giới hạn thẩm quyền và nhiệm vụ được pháp nhân thương mại giao.

Nếu cá nhân thực hiện hành vi phạm tội trong quá trình thực hiện chức năng, thẩm quyền và nhiệm vụ do pháp nhân giao nhưng hành vi phạm tội vượt ra ngoài phạm vi chức năng, thẩm quyền hay nhiệm vụ được giao thì không thể coi là nhân danh pháp nhân thương mại. Đây cũng là đòi hỏi khi truy cứu trách nhiệm hình sự pháp nhân ở Canada: “Trong trường hợp người lãnh đạo, người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền của pháp nhân nhưng lại phạm tội do vượt quá thẩm quyền được trao, hoặc lợi dụng danh nghĩa pháp lý hoặc vật chất của pháp nhân để thực hiện tội phạm vì quyền lợi của mình hoặc lợi ích của mình, ví dụ: người lãnh đạo nhà máy đã sử dụng danh nghĩa của nhà máy thực hiện hành vi lừa đảo cho lợi ích riêng của anh ta thì về nguyên tắc chỉ có cá nhân liên quan phải chịu trách nhiệm về tội phạm đó còn pháp nhân sẽ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của họ” [6; 80]. Công trình nghiên cứu về trách nhiệm hình sự của tổ chức trong luật hình sự của Pháp cũng rút ra kết luận tương tự, đó là khi người đại diện theo pháp luật hoặc ủy quyền của pháp nhân phạm tội do vượt quá thẩm quyền được giao thì về nguyên tắc pháp nhân không phải chịu trách nhiệm về hành vi vượt quá của người đại diện [3; 84]. Trong công trình nghiên cứu so sánh cơ sở lý luận và thực tiễn của việc áp dụng trách nhiệm hình sự đối với tổ chức, các tác giả cũng cho rằng điều kiện để truy cứu trách nhiệm hình sự pháp nhân là: “*thể nhân đó thực*

hiện hành vi trong phạm vi chức năng, thẩm quyền và nhiệm vụ được tổ chức giao” [5; 32]. Điều 12.2 Chương 12 Phần 2.5 về Trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong Bộ luật Hình sự của Australia cũng nêu rõ rằng hành vi phạm tội của người lao động, người đại diện hoặc người quản lý của pháp nhân phải nằm trong phạm vi thẩm quyền thực tế hoặc hiển nhiên của công việc hoặc thẩm quyền thực tế hoặc hiển nhiên được giao thì pháp nhân mới có thể chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đó.

Tóm lại, theo chúng tôi, hành vi của một cá nhân được coi là “nhân danh pháp nhân thương mại” khi thỏa mãn đồng thời các yêu cầu đã nêu.

3. Điều kiện “Hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại”

Điểm b khoản 1 Điều 75 BLHS năm 2015 quy định điều kiện phải đáp ứng để pháp nhân chịu trách nhiệm hình sự là: “Hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại”. Điều kiện này thể hiện rõ quan điểm rằng nếu hành vi phạm tội của các cá nhân chỉ hướng đến việc đem về lợi ích cho bản thân cá nhân thì pháp nhân thương mại sẽ không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Trước hết, theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Bộ luật Dân sự năm 2015, pháp nhân thương mại là “*pháp nhân có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận và lợi nhuận được chia cho các thành viên*”. Do vậy, điều kiện “vì lợi ích của pháp nhân thương mại” rõ ràng có thể là lợi ích vật chất. Lợi ích vật chất này có nhiều dạng. Thứ nhất, đó có thể là tiền hoặc tài sản khác mà pháp nhân nhận được từ hành vi phạm tội. Ví dụ: số tiền mà pháp nhân có thể nhận được từ hành vi buôn lậu, buôn bán hàng giả hoặc buôn bán hàng cấm. Thứ hai, đó có thể là tiền hoặc tài sản khác mà pháp nhân không phải bỏ ra để thanh toán, chi trả. Lợi ích vật chất trong trường hợp này chính là “giảm chi phí”. Ví dụ: trong Tội gây ô nhiễm môi trường, với hành vi xả thải trực tiếp chất độc hại ra môi trường, pháp nhân giảm được chi phí xử lý chất thải trong quá trình sản xuất. Thứ ba, đó có thể là trường hợp mà pháp nhân thương mại không nhận về bất cứ khoản tiền hay

tài sản nào, mặt khác cũng không giảm chi phí (thậm chí có thể phát sinh thêm chi phí) nhưng pháp nhân có thể sử dụng được tiền hoặc tài sản do phạm tội mà có. Ví dụ trường hợp này chính là hành vi rửa tiền. Hành vi rửa tiền của cá nhân giúp pháp nhân thương mại có thể sử dụng được tiền hoặc tài sản do phạm tội mà có với hình thức như là tiền hoặc tài sản có nguồn gốc hợp pháp.

Ngoài ra, bàn về lợi ích của pháp nhân thương mại, chúng tôi cũng quan tâm đến vấn đề “lợi ích phi vật chất” hay còn gọi là “lợi ích tinh thần”. Trong các loại tội phạm mà pháp nhân thương mại phải chịu trách nhiệm hình sự có Tội tài trợ khủng bố quy định tại Điều 300 BLHS năm 2015. Hành vi đặc trưng của tài trợ khủng bố là “*huy động, hỗ trợ tiền, tài sản dưới bất kỳ hình thức nào cho tổ chức, cá nhân khủng bố*” (khoản 1 Điều 300 BLHS năm 2015). Như vậy, khi thực hiện hành vi tài trợ khủng bố, pháp nhân không thu về lợi ích vật chất mà chỉ nhận được lợi ích tinh thần. Theo các tài liệu nghiên cứu về tội phạm này, động cơ tài trợ khủng bố khá đa dạng, có thể vì tôn giáo cực đoan, phân biệt chủng tộc, hoặc vì các lý do chính trị... [12] Do vậy, chúng tôi cho rằng loại lợi ích nêu tại điểm b khoản 1 Điều 75 BLHS năm 2015 bao gồm lợi ích vật chất và lợi ích phi vật chất.

Ngoài ra một vấn đề đặt ra là lợi ích này có cần phải hiện hữu thực tế mới có thể truy cứu pháp nhân thương mại hay chỉ cần là động cơ thúc đẩy hành vi của các cá nhân liên quan? Nói cách khác, điều kiện “vì lợi ích của pháp nhân thương mại” là điều kiện khách quan hay điều kiện chủ quan? Theo chúng tôi, ngôn ngữ điều luật đã rõ ràng và phản ánh yếu tố thuộc về động cơ thúc đẩy hành vi của các cá nhân nhân danh pháp nhân thương mại. Ngay cả khi hành vi của cá nhân chưa đem lại lợi ích thực tế cho pháp nhân thương mại, thì pháp nhân thương mại vẫn phải chịu trách nhiệm nếu động cơ của cá nhân là “vì lợi ích của pháp nhân thương mại”. Điều này cũng tương tự như cách áp dụng của một số nước. Ví dụ: Trong bài viết về “Trách nhiệm

hình sự của pháp nhân theo luật hình sự của Cộng hòa Pháp”, các tác giả đã nêu: “*Pháp nhân phải chịu trách nhiệm hình sự về những tội phạm được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân mặc dù việc thực hiện những tội phạm đó không mang lại những lợi ích thực tế cho pháp nhân*” [11; 73].

4. Điều kiện “Hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại”

Điểm c khoản 1 Điều 75 BLHS năm 2015 đòi hỏi điều kiện để pháp nhân chịu trách nhiệm hình sự là: “Hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại”. “Chỉ đạo”, “điều hành” hoặc “chấp thuận” là các thuật ngữ chuyên tải những nội hàm khác nhau và phản ánh “lỗi” của pháp nhân đối với hành vi của cá nhân liên quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 441 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về *Những vấn đề cần phải chứng minh khi tiến hành tố tụng đối với pháp nhân bị buộc tội*, khi truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chứng minh “lỗi” của pháp nhân. Với điều kiện này, nếu hành vi của cá nhân do chính cá nhân chủ động thực hiện và không có bất kỳ sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận nào từ phía pháp nhân thương mại thì pháp nhân thương mại không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Tuy nhiên, vì “pháp nhân” là một chủ thể pháp lý trừu tượng được hình thành từ tập hợp các thể nhân với những điều kiện luật định, như vậy quy định về sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của “pháp nhân” cần được luận giải như thế nào? Ai là chủ thể của hành vi chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận?

Theo Học thuyết đồng nhất hóa,⁵ ý chí của người điều hành, người quản lý cấp cao của pháp nhân (controlling officer) gồm giám đốc điều hành (directing manager) hoặc người quản lý có

⁵ Học thuyết đồng nhất hóa được phát triển ở Anh nhưng cũng được áp dụng rộng rãi ở Mỹ và Canada. Xem: [13; 70] và [6; 80].

vai trò kiểm soát khác được *đồng nhất hóa* với ý chí của pháp nhân. Nói cách khác, theo Học thuyết đồng nhất hóa, những quyết định được ban hành bởi một số người lãnh đạo có ảnh hưởng của pháp nhân được coi như hành vi của chính pháp nhân [6; 79]. Như vậy, chủ thể của hành vi chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận chính là người giám đốc điều hành hoặc người quản lý có vai trò kiểm soát đối với hành vi của cá nhân liên quan [13; 70] [14]. Ngoài ra, trong việc áp dụng mở rộng Học thuyết này ở Canada, Tòa án chấp nhận trường hợp người lãnh đạo ủy quyền sự quản lý, điều hành và ra quyết định cho người khác [6; 80]. Vì vậy, khi xem xét sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận “của pháp nhân” còn cần phải xem xét những người lãnh đạo cao nhất có ủy quyền sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận cho người khác không.

Chúng tôi ủng hộ việc sử dụng quan điểm của Học thuyết đồng nhất hóa khi xem xét chủ thể của hành vi “chỉ đạo”, “điều hành” hoặc “chấp thuận” trong quy định tại điểm c khoản 1 Điều 75 BLHS năm 2015. Chúng tôi cũng chia sẻ sâu sắc quan điểm rằng: “Trong tập thể những con người lập ra và hình thành nên pháp nhân, vai trò, vị trí cũng như chức năng của từng người là khác nhau. Có những người giữ vai trò như trung tâm đầu não, hệ thần kinh trung ương hay bộ não của pháp nhân trong việc đưa ra những quyết định quan trọng liên quan đến chủ trương, chính sách hoạt động của pháp nhân. Trong khi đó cũng có những người chỉ giữ vai trò như là những cánh tay của pháp nhân, thực hiện các công việc theo sự chỉ đạo, sắp đặt và mệnh lệnh của người khác” [4; 83].

Vì vậy, chúng tôi đề xuất rằng theo quy định tại khoản 1 Điều 83 Bộ luật Dân sự năm 2015, pháp nhân thương mại có cơ quan điều hành, vì vậy cụm từ “chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân” có thể hiểu là sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của toàn bộ tập thể thành viên cơ quan điều hành của pháp nhân thương mại hoặc một, một số cá nhân trong cơ quan này nhưng có vai trò chi phối trong quản lý, điều hành pháp nhân. Ngoài ra, cũng cần phải xem xét những cá nhân có vai trò quyết định trong pháp nhân có ủy quyền cho người khác ra quyết định

chỉ đạo, điều hành hay chấp thuận thay mình hay không. Trong trường hợp họ ủy quyền cho người khác, thì ý chí của người được ủy quyền cũng coi là ý chí của pháp nhân.

Mặt khác, cũng cần bàn thêm về hành vi “chấp thuận”. Theo Học thuyết văn hóa pháp nhân, sự chấp thuận không nhất thiết là sự “phê duyệt” (sự đồng ý) của người quản lý, điều hành pháp nhân đối với từng hành vi phạm tội cụ thể của cá nhân. Sự “chấp thuận” còn thể hiện ở việc những người quản lý, điều hành pháp nhân duy trì những chính sách, quy định sai trái làm cho cá nhân thực hiện hành vi phạm tội tin tưởng một cách hợp lý rằng người quản lý cấp cao của pháp nhân sẽ cho phép hoặc đồng ý với những hành vi như vậy [4; 83] [5; 26-27].

5. Điều kiện “Chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Bộ luật này”

Điều 27 BLHS năm 2015 quy định về thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Theo đó, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội là thời hạn do Bộ luật hình sự quy định mà khi hết thời hạn đó, người phạm tội không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 BLHS năm 2015 về điều kiện “chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự” có thể hiểu một cách đơn giản: nếu hành vi phạm tội do cá nhân thực hiện đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 BLHS năm 2015 thì pháp nhân thương mại không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi phạm tội do các cá nhân đó thực hiện cho dù hành vi của họ “nhân danh”, “vì lợi ích” và có “sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận” của pháp nhân. Cách hiểu và áp dụng này khá dễ dàng vì hoàn toàn như trong truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Ví dụ: hành vi trốn thuế của cá nhân X và Y với số tiền 250 triệu đồng và thỏa mãn điều kiện “nhân danh” pháp nhân thương mại A, “vì lợi ích” của pháp nhân thương mại A và có “sự chỉ đạo” của pháp nhân thương mại A. Nếu hành vi của X và Y thuộc

khoản 1 Điều 200 BLHS năm 2015 về Tội trốn thuế, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là 5 năm. Trong thời hạn này, cơ quan có thẩm quyền có thể truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại A. Hết thời hạn đã nêu thì pháp nhân thương mại A không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi do X và Y thực hiện.

6. Kết luận

Những quy định mới của BLHS năm 2015 về trách nhiệm hình sự của pháp nhân cần được giải thích và hướng dẫn để áp dụng thống nhất trong thực tiễn. Chúng tôi kiến nghị Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ban hành Nghị quyết hướng dẫn chi tiết những quy định đối với pháp nhân thương mại phạm tội, trong đó có điều kiện chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại. Việc giải thích và hướng dẫn này cần dựa trên các học thuyết khoa học và tham khảo luật thực định cũng như thực tiễn áp dụng của các nước. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi đề xuất cách hiểu và áp dụng đối với từng điều kiện phải chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại quy định tại khoản 1 Điều 75 BLHS năm 2015 như sau.

Thứ nhất, hành vi phạm tội được coi là “nhân danh pháp nhân thương mại” khi: (i) giữa cá nhân có hành vi phạm tội với pháp nhân tồn tại một mối quan hệ pháp lý; (ii) hành vi phạm tội được thực hiện trong quá trình cá nhân thực hiện thẩm quyền, nhiệm vụ do pháp nhân giao; (iii) hành vi phạm tội phải nằm trong giới hạn thẩm quyền và nhiệm vụ được pháp nhân thương mại giao.

Thứ hai, hành vi phạm tội được coi là “vi lợi ích của pháp nhân thương mại” khi động cơ phạm tội của cá nhân là đem lại lợi ích cho pháp nhân thương mại, lợi ích này không cần thiết phải hiện hữu để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân. Lợi ích này có thể là lợi ích vật chất hoặc lợi ích tinh thần.

Thứ ba, hành vi phạm tội được coi là có sự “chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại” khi toàn bộ tập thể thành viên cơ quan điều hành của pháp nhân thương mại

hoặc một, một số cá nhân có vai trò chi phối trong quản lý, điều hành pháp nhân thương mại (hoặc người được họ ủy quyền) đã chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận hành vi phạm tội. Việc chấp thuận hành vi phạm tội bao gồm trường hợp người lãnh đạo, điều hành pháp nhân duy trì chính sách, quy định sai trái làm cho cá nhân tin tưởng một cách hợp lý rằng người quản lý cấp cao của pháp nhân sẽ cho phép hoặc đồng ý với hành vi phạm tội của họ.

Thứ tư, điều kiện về “thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự” được hiểu là nếu hành vi phạm tội do cá nhân thực hiện đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 BLHS năm 2015 thì pháp nhân thương mại không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi phạm tội do các cá nhân thực hiện cho dù hành vi của họ “nhân danh”, “vi lợi ích” và có “sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận” của pháp nhân thương mại./.

Tài liệu tham khảo

- [1] Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Tài liệu tập huấn Bộ luật hình sự năm 2015.
- [2] T. V. Dũng, Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp trong tập tài liệu của Tòa án Nhân dân Tối cao tập huấn về Bộ luật hình sự năm 2015, Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại - Những vấn đề cần quan tâm khi xử lý hình sự đối với pháp nhân thương mại.
- [3] T. Q. Toàn, Trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong pháp luật hình sự, Nxb. Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2011.
- [4] H. T. T. Phương, Trách nhiệm hình sự của pháp nhân, Luận văn thạc sỹ Luật học - Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, 2006.
- [5] C. T. Oanh (chủ nhiệm), Báo cáo tổng kết đề tài: Nghiên cứu so sánh cơ sở lý luận và thực tiễn của việc áp dụng trách nhiệm hình sự đối với tổ chức, Viện Khoa học Pháp lý, 2011.
- [6] T. Q. Toàn, Về trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong luật hình sự Canada, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (số 03/2005) 76 - 83.
- [7] N. N. Hòa (chủ biên), Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại, nhận thức cần thống nhất?, Nxb. Tư Pháp, 2020.
- [8] Criminal Code Act 1995 of Australia

- [9] Guidance on corporate prosecution, para 23 eimages/Guidance_on_Corporate_Prosecutions.pdf (skadden.com) (accessed: 13 April 2022).
- [10] Criminal Code of France, [updated on 12-10-2005.pdf](#) ([legislationline.org](#)) (accessed 13 April 2022)
- [11] P. B. Học, M. T. Hiếu (2007), Trách nhiệm hình sự của pháp nhân theo Luật hình sự của Cộng hòa Pháp, Tạp chí Luật học (số 08/2007) 69 – 75.
- [12] FATF (2021), Ethnically or Racially Motivated Terrorism Financing tại <https://www.fatf-gafi.org/media/fatf/documents/reports/Ethnically-or-racially-motivated-terrorism-financing.pdf> (accessed 13 April 2022)
- [13] Simon Parsons, The Doctrine of Identification, Causation and Corporate Liability for Manslaughter, *The Journal of Criminal Law* (2003) 69 – 81.
- [14] Department of Justice, Corporate Criminal Liability - Discussion Paper, March 2002 Issues - Corporate Criminal Liability - Discussion Paper, March 2002 ([justice.gc.ca](https://www.justice.gc.ca)) (accessed 13 April 2022).